

Đương Số: Xemtuong - Âm Nam

Cung mệnh: Giáp Thìn - Thai Nguyên: Kỷ Hợi

Thân Nhược: Hỏa 23/50

Dụng Thần: Mộc Thủy

Table with 4 columns: Trụ Năm 1997, Trụ Tháng 08, Trụ Ngày 23, Trụ Giờ 10:01. Each column contains birth details, elemental analysis, and deity information.

Table with 10 columns representing years from 1997 to 2051. Each column shows the year, age, and corresponding zodiac/sign and deity.

ĐINH	MAO	Bệnh	MẬU	I HIN	Q.Đời	KY	I Y	Đ.Vượng	CANH	NGỌ	M.Dục	I AN	MUI	Suy
Quan	2052	56 tuổi	Sát	2053	57 tuổi	Ấn	2054	58 tuổi	Kiều	2055	59 tuổi	Kiếp	2056	60 tuổi
NHÂM	THÂN	T.Sinh	QUÝ	DẬU	Bệnh	GIÁP	TUẤT	Dưỡng	ÁT	HỢI	Tử	BÍNH	TÝ	Thai

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hệ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem **nội quy** trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTuong.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemtuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ năm **Sửu Thổ** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ tháng Thân Kim không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ ngày **Dậu Kim** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ giờ **Tỵ Hỏa** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 0/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Đinh** sinh tháng **Thân** tọa ở **Mộc Dục** nên được Lệnh tháng.

Can Tháng **Mậu** sinh tháng **Thân** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Đinh** sinh tháng **Thân** tọa ở **Mộc Dục** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Ất** sinh tháng **Thân** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Kỷ Hợi** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tứ: **Nhâm Thìn** (Thai tứ là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tứ thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Kỷ Hợi và Nhâm Thìn này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Kỷ Hợi** nạp âm là **Mộc**, gặp cung mệnh **Giáp Thìn** nạp âm là **Hỏa** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Anh được phúc lộc.

Thai nguyên **Kỷ Hợi** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ năm **Đinh Sửu** nạp âm là **Thủy** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Kỷ Hợi** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ tháng **Mậu Thân** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Kỷ Hợi** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ ngày **Đinh Dậu** nạp âm là **Hỏa** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Kỷ Hợi** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ giờ **Ất Ty** nạp âm là **Hỏa** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quý** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Đinh Sửu** là **Hỏa** sinh **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Mậu Thân** là **Thổ** sinh Kim.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Đinh Dậu** là **Hỏa** khắc Kim.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Ất Ty** là **Mộc** sinh **Hỏa**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 6/8

Tứ Trụ Tam Hợp

Các địa chi Ty Dậu Sửu trong tứ trụ của Quý Anh thuộc tam hợp Kim.

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Dậu Sửu này thuộc nhóm Ty Dậu Sửu tam hợp Kim, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Dậu Thân này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Dậu Ty này thuộc nhóm Ty Dậu Sửu tam hợp Kim, tốt.

Thân Nhược: **Hỏa 23/50**

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân

Hỏa Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **23/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **20/36** điểm là thân **Hỏa** Vượng mà ở phần xét thân vượng nhược chính lại là Thân Nhược **Hỏa**, và chúng tôi đoán rằng **Thân Quý Anh ở mức Trung Bình** không vượng cũng không nhược. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược **Hỏa** thì dụng thần nên là **Mộc** để sinh thêm **Hỏa**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

Dụng Thần: Mộc Thủy (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là **Mộc** (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tổ chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Anh vì **Mộc** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là **Thủy** (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rửa, nước chảy, càn khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Anh vì **Thủy** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất

cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Đinh Sửu** bị **Quý Mùi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Quý Mùi**.

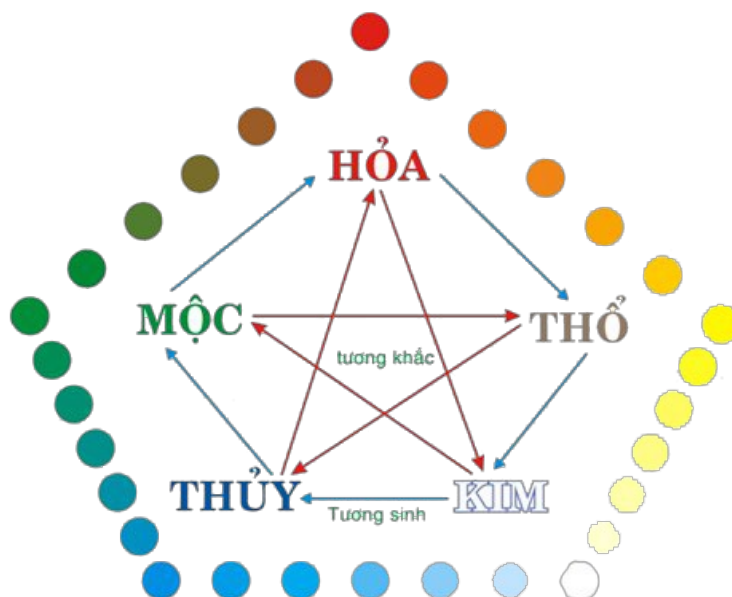
Trụ Tháng **Mậu Thân** bị **Giáp Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Dần**.

Trụ Ngày **Đinh Dậu** bị **Quý Mão** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Quý Mão**.

Trụ Giờ **Ất Ty** bị **Tân Hợi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Hợi**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chính Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chính Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoè
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Hỏa

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Hỏa có nước da vàng, râu vàng, mũi lộ; lông mày thưa, ngực nổi, bàn tay nhọn, trán dô; môi cong, răng lộ và nhỏ nhọn; đầu bằng và đỉnh đầu bằng; tay chân gầy khảnh, gân guốc; điệu bộ nhanh nhẹn; tai nhọn, tròng mắt khô; lưỡi hồng cao và tiếng nói mau.

Nhìn chung, người thuộc Hỏa hợp với phương Nam. Thích hợp với các nghề có liên quan tới văn hóa, nghệ thuật hoặc công việc kinh doanh những mặt hàng đó, chẳng hạn như ánh sáng, cắt tóc, thực phẩm, giáo viên, xuất bản, văn phòng phẩm...

Quý Anh Người Thuộc Hỏa Nhược

Người mà Hỏa suy thì dáng người góc nhọn, tướng gầy, da vàng, nói năng ề à, dối trá, bản tính cay độc, làm

việc thường chỉ nhiệt tình, hăng hái được lúc đầu, sau đó bỏ bê, có đầu mà không có cuối. Người Hỏa quá suy, cũng thường dễ mắc các bệnh như người Hỏa quá vượng (bệnh phần mặt, răng, lưỡi), tuy nhiên, dễ mắc những bệnh liên quan tới hệ tiêu hoá hơn.

Cung Mệnh ở Thìn sao Thiên như

Quý Anh cơ mưu tháo vát, nhiều việc.

Trụ năm của Quý Anh có Tỷ

Trụ năm có tỷ kiên (tỉ) có khuynh hướng độc lập tự thân vận đ. ng.

Trụ tháng của Quý Anh có Thương Quan

Trụ tháng có thương quan (Thương): anh em duyên mỏng, bất hòa, bất hiểu. Trường hợp can và chi đều thương quan thì anh em vợ chồng phân ly.

Trụ ngày của Quý Anh có Thiên Tài

Trụ ngày có thiên tài (tài) nếu tọa sao tướng thì lấy được vợ con nhà danh giá, vợ có tài, được vợ trợ giúp. Nói chung thì gặp bạn đời khảng khái, trọng nghĩa khinh tài, có tài biện bác, có vận tài, thích phù hoa biểu hiện bản thân.

Trụ giờ của Quý Anh có Thiên Án

Trụ giờ có thiên án (kiêu) thì con cái thông minh, đa tài đa nghệ nhưng cố chấp, cô độc. Nếu có ngày tọa dương nhữn thì vợ sinh đẻ khó, có sản ách. Thiên án (kiêu) là sao khắc con nên đối với con cái bất lợ. i.

Ngày sinh của Quý Anh là ngày Nhật Quý

Ngày nhật quý chủ thích làm việc thiện, hình dáng đẹp đẽ về già thích phong lưu. Năm vận gặp sao tài, sao quan thì hiển đạt nếu gặp hình xung thì bản tiện.

Ngày sinh của Quý Anh là ngày Cửu quý phòng hại

Gặp ngày cửu quý phòng hại vợ chồng dễ bất hòa, nữ thì sinh nở thường khó khăn.

Trong tứ trụ Quý Anh có Phi Nhận

Phi Nhận cho biết Quý Anh hay đầu cơ tích trữ, kiêu ngạo, dễ bị sa sút phá sản.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

Trong tứ trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhữn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong tức là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ

tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt tức là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu tức là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẫn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghề nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nổi được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Kinh dương / Dương nhấn (trích sách Nhập Môn Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Trần Viên trang 232)

Mệnh gặp phải Kinh dương là hung nhiều cát ít. Lộc quá mức thì sinh kinh dương tức là thành công đến cực đỉnh mà vẫn chưa rút lui thì sẽ vượt quá giới hạn cho nên sẽ bị tổn thương vậy. Nếu là người có quý mệnh để áp chế sát thì kinh dương kết hợp tướng tinh sẽ tạo thành uy phong không ngăn cản nổi. Thân nhược gặp kinh dương thì nó có thể giúp trợ thân, nhưng mệnh có kinh dương thì nguy hiểm như làm bạn với hổ. Nếu kinh dương bị hợp xung, bị hình hoặc lâm tuế vận thì dễ bị tai nạn nghiêm trọng.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần túy không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thể cho hung tinh.

Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ách quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược

với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Trụ năm gặp đất trường sinh đế vượng

Trụ năm gặp đất trường sinh đế vượng, không bị xung khắc, lại được lệnh tháng sinh là chủ về cha mẹ tinh nhanh, tháo vát, dung nhan đẹp, người khoẻ trường thọ.

Can năm Quý Anh được lệnh tháng sinh là cha trường thọ

Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm Quý Anh gặp thực thần mà không có kình thần là cha mẹ người béo và khỏe, tính cách thành thực.

Trong Tứ trụ Quý Anh thiên tài gặp vượng địa là cha trường thọ.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giành tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hồng, nên gọi là tỷ kiếp khắc cha.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm, trụ tháng có tài, thực là tổ nghiệp hưng thịnh.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Bị kình dương, thất sát cướp đoạt tài

Bị kình dương, thất sát cướp đoạt tài hoá quý (xấu) là nhà cửa sa sút, xa rời quê hương.

Thiên ấn gặp kình dương thì xa rời quê hương hoặc đi làm tăng đạo.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Trụ năm là thất sát, tỉ kiếp, thương quan là ông cha đời rách.

Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Trụ năm có thất sát, tỉ kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Trụ tháng Quý Anh có thương quan là anh em bị thương tổn.

Trong Tứ trụ Quý Anh có tỉ kiếp, kinh dương là anh em bất hoà, thường hay cãi nhau.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Đinh Sửu** hợp với Nữ tuổi **Giáp Thân - Ất Dậu** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tùy ý chọn.

Vợ chồng Quý Anh có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.

Quý Anh có Nhật đóng ở trường sinh thì lấy được vợ đẹp.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Nam gặp tỉ kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tỉ kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Anh gặp kinh dương thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con.

Nam gặp kinh dương là lấy vợ hai lần, nữ gặp kinh dương tất sẽ tái giá.

Quý Anh bị Quan sát hỗn tạp, thương quan nhiều, nếu nam gặp phải là người ham mê tửu sắc, nữ gặp phải là người theo trai.

Chính tài, thiên tài nhiều là người háo sắc, chơi bời, vợ chồng bất hoà.

Quý Anh Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Anh có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Quý Anh có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Anh là tí ngọ mao dậu thì vợ đẹp

Mệnh nam Quý Anh lấy suy làm hại.

Quý Anh có Thiên tài đều vượng mà được ngôi là vợ lẽ át vợ cả

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Anh Nam gặp tài nhiều, thân yếu, là rời quê hương lấy vợ đẹp.

Trong Tứ trụ Quý Anh có kinh dương gặp tuế vận là của cải hoa tán, khắc vợ, hại con.

Trong cục có tài nhiều thì khắc vợ nặng, không có tài thì khắc nhẹ hơn. Khi mà can chi của đại vận gặp can chi lưu niên (tức trong 60 ô nhỏ theo từng năm trên lá số) thì gọi là tuế vận.

Quý Anh có Sao thê mắt lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Trong Tứ trụ thương, kiêu đều có là con yếu, vợ ngu.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có của hay không, hoặc của nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có của, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu: "Có của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tài nên tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Anh có tài tàng ẩn

Quý Anh có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Quý Anh có Tài nhiều, thân nhược cần có ấn thụ để hỗ trợ thân.

Trong trụ Quý Anh có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Quý Anh Thân nhược, tài nhiều khi hành đến vận tỉ kiếp thì mới phát tài.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sửu, người tị, dậu, sửu gặp ất mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất; người hợi, mao, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tự hại. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp của.

Quý Anh có Thực thần gặp tài, nhưng tài nhiều thì không sang mà chỉ là trợ phú.

Quý Anh thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Anh Thân nhược, tài nhiều lại còn gặp tỉ kiếp lạm dụng thần thì tiền bạc đầy lưng.

Quý Anh có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Quý Anh có Tài nhiều gặp tử kiếp trợ giúp là nhà giàu thịnh vượng.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì châu báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quý Anh Trước tử, sau tài là trước nghèo sau giàu.

Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Năm, tháng, giờ đều sinh trợ cho ngày, như thế là ấn thụ sinh của, hành đến vận quan ấn thì sẽ giàu.

Thiên tài sợ hành vận có tử kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 2 Tài ẩn

Kiều thần mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Anh thân nhược gặp phải là họa.

Tứ trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quý Anh có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai họa liên miên.

Quan Vận

Thiên Quan Quý Anh có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Quý Anh có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Anh Có Quan mà không có Ấn, quan giả.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Anh có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Anh Mệnh gặp Ất Bính Đinh, đởi Không vong sinh vượng, ẩn sĩ trong núi.

Quý Anh Có Sát không có Ấn thiếu văn tài.

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Anh có Thực Thương sinh Tài, nên học thương nghiệp, tiền tệ, tài chính, mậu dịch hoặc ngành nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật.

Quý Anh có Thương Quan Thương tận, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Trụ Quý Anh có Thiên Ấn (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mấy nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mở quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn

dựa vào nhân duyên.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cứu lưu...

Quý Anh có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh dược phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Mộc

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Mộc, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đình hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh,hiền hiếu, làm rạng rỡ tổ tiên.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp át, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Người sinh vào ngày giờ bính, đình thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra nằm nghiêng.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh còn gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con tra. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Anh thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Trụ giờ Quý Anh đóng ở thiên án thì con cái tính hung dữ.

Quý Anh có Kinh dương đóng ở trụ giờ thì con cái ngỗ ngược bất hiếu.

Quý Anh Trụ giờ gặp kinh dương hoặc thương quan là làm tổn hại con cái.

Quý Anh Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Về dự đoán đũa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Anh có Thương quan trùng trùng, đề phòng đau ở eo, chân, xương.

Hỏa quá nhược hoặc tử tuyệt, dễ bị bệnh tim, bệnh bại huyết, viêm khớp, hôi chân, đau mắt. Tuổi còn trẻ thì dạ dày không tốt.

Hỏa bị thủy khắc, mắt mờ.

Hỏa thổ làm khô hết Quý thủy, bệnh về mắt.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tý sừu dần mao...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điếm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiêu**(Phiến Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng

trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của Địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng (lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho (mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của (ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho (phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương	Dưỡng		Thương	Dưỡng		Thần	Tỷ	Suy	T.Tài	Dưỡng	
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÂN	Dưỡng	KỶ	MÙI	Q.Đới	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Át	Quý	Kỷ	Át	Đinh		Tân	
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiêu		Thực	
Dưỡng	Q.Đới	Mộ	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy		Mộ	

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình "thất sát hóa thành quyền binh"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ẩn (Chánh ẩn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ẩn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ẩn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ẩn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ẩn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí

còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của di ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cầu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khẳng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T. Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khẳng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được cửa nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ đục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net